

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2024/KDTM-PT

Ngày 21/6/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Bằng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Thành - Kiểm sát viên

Trong các ngày 21/3, 19/4, 19/6 và 21/6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 284/2023/TLPT-KDTM ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 117/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2024/QĐ-PT ngày 04/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐ-PT ngày 24/01/2024, Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 116/2024/TB-TA ngày 23/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A

Địa chỉ: Km 35 quốc lộ 10, xã QT, huyện AL, thành phố HP

Người đại diện theo pháp luật: Ông NVT - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông VĐT; bà NTM; ông TTH; ông TNS; có mặt

- Bị đơn: Công ty C

Địa chỉ: Số 21A phố CL, phường CL, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông LNV – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà NTMH; bà TTL; bà NTH; bà NTL; cùng địa chỉ: Số 942 đường B, phường TL, quận HBT, thành phố Hà Nội; có mặt

- Bà Mai Thị Lệ Thu; địa chỉ: Số 21A CL, phường CL, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/11/2017, Liên danh Công ty C và Công ty A ký Hợp đồng số 777/2017/E-QLDA/PVCFC-C-A với chủ đầu tư là Công ty E Dự án sản xuất phân bón phức hợp từ Urea nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm.

Ngày 10/11/2017, Công ty C và công ty A ký Hợp đồng kinh tế số 101117/HĐKT/C-A về việc đưa ra các quy tắc để thực hiện Hợp đồng E giữa các bên trong Liên danh A-C, phân giao các công việc, quyền và trách nhiệm của các bên. Theo hợp đồng này, khoản 7.3 quy định về việc thanh toán như sau:

a) Thanh toán các lần từ 1 đến n (trước khi hoàn thành MC):

- Vào ngày 25 hàng tháng, hai bên sẽ xác nhận khối lượng hoàn thành làm cơ sở thanh toán.

- Giá trị thanh toán tới 80% giá trị khối lượng hoàn thành.

....

b) Thanh toán các lần (sau khi hoàn thành MC):

- Giá trị thanh toán tới 90% giá trị khối lượng hoàn thành sau nghiệm thu lắp đặt cơ khí (hoàn thành MC theo Hợp đồng chính).

c) Thanh toán lần cuối:

Công ty C sẽ thanh toán cho Công ty A tới 100% giá trị quyết toán hợp đồng sau khi Công ty A hoàn thành công trình, các bên tiến hành nghiệm thu, quyết toán và Công ty A chuyển cho Công ty C bảo lãnh bảo hành”.

Khoản 7.4 về thời hạn thanh toán:

a) Công ty C sẽ thanh toán cho Công ty A trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày Công ty C nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Công ty A.

b) Công ty C chậm thanh toán 14 ngày sau thời hạn thanh toán theo quy định tại điểm a nêu trên thì phải bồi thường cho Công ty A theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Công ty C mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán đến khi Công ty C thanh toán đầy đủ cho công ty A.

Để được thanh toán, Công ty A phải hoàn thành hồ sơ thanh toán theo quy định tại điểm 7.6.2, khoản 7.6, Điều 7, Hợp đồng kinh tế số 101117/HĐKT/CECO-AMECC.

Công ty C đã thanh toán cho Công ty A đến hết lần 7 theo hợp đồng.

Còn 3 đợt thanh toán chưa thanh toán là đợt 8, 9, 10:

Đợt 8: Điều kiện thanh toán khi hai bên có biên bản nghiệm thu khối lượng giá trị hoàn thành giai đoạn 8 (Công ty A và Công ty C đã ký biên bản nghiệm thu khối lượng giá trị hoàn thành giai đoạn 8). Công ty A đã chuyển toàn bộ hồ sơ thanh toán cho Công ty C bản cứng và gửi qua email cho Công ty C. Giá trị chưa thanh toán: 1.717.144.698 đồng.

Đợt 9: Điều kiện thanh toán khi hai bên có biên bản nghiệm thu khối lượng giá trị hoàn thành giai đoạn 9 (Công ty A và Công ty C đã ký biên bản nghiệm thu khối lượng giá trị hoàn thành giai đoạn 9). Công ty A đã chuyển toàn bộ hồ sơ thanh toán cho Công ty C bản cứng và gửi qua email cho Công ty C. Giá trị chưa thanh toán: 4.023.262.835 đồng.

Đợt 10: Thanh toán bổ sung thêm 10% cho các đợt từ 1-9 với điều kiện hoàn thành nghiệm thu lắp đặt cơ khí trong hợp đồng chính (Hợp đồng số 777/2017/E-QLDA/PVCFC-C-A). Và ngày 31/3/2022 chủ đầu tư và liên danh C-A đã ký biên bản số NPK/BBNT HT-001 nghiệm thu công trình xây dựng để đưa vào sử dụng. Sau đó, Công ty A đã gửi đề nghị thanh toán cho Công ty C ngày 31/12/2022. Giá trị chưa thanh toán: 5.459.695.529 đồng.

Theo quan điểm của Công ty A, Công ty A đã thực hiện đầy đủ các điều kiện để được thanh toán.

Ngày 27/5/2022, Công ty A, Công ty C và chủ đầu tư là Công ty E đã có biên bản họp ba bên. Theo biên bản làm việc này, chủ đầu tư đồng ý thanh toán trực tiếp tới tài khoản của Công ty A sau khi nhận được văn bản của Công ty C đề xuất chủ đầu tư chuyển tiền theo giá trị do Công ty C đề nghị tới trực tiếp tài

khoản của Công ty A.

Ngày 15/3/2023, Công ty A, Công ty C và chủ đầu tư là Công ty E tiếp tục họp, tại phiên họp, công ty A tiếp tục đề nghị chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho Công ty A. Tuy nhiên, kể từ đó cho đến nay, Công ty A vẫn chưa nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào từ chủ đầu tư và Công ty C.

Đối với đợt thanh toán thứ 10, Công ty A đã bổ sung thêm biên bản hoàn thành mốc cơ khí (Biên bản MC) và đã gửi đề nghị thanh toán cho Công ty C nên đã đủ điều kiện để Công ty C thực hiện trách nhiệm thanh toán theo nội dung hợp đồng đã ký.

Do Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 8, 9, 10 nên công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty C thực hiện trách nhiệm thanh toán cho Công ty A số tiền là:

+ Nợ gốc là: 11.200.262.835 (Bằng chữ: Mười một tỷ, hai trăm triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi lăm đồng)

+ Tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 30/5/2023 là: 1.707.045.639 (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm lẻ bảy triệu, không trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm ba mươi chín đồng).

+ Tổng giá trị tạm tính đến ngày 30/5/2023 là: 12.819.695.841 (Bằng chữ: Mười hai tỷ, tám trăm mười chín triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi một đồng).

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Ngày 08/11/2017, Liên danh C-A ký hợp đồng số 777/2017/E-QLDA/PVCFC-C-A với chủ đầu tư là Công ty E Dự án sản xuất phân bón phức hợp từ Urea nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm.

Ngày 10/11/2017, Công ty C và Công ty C ký Hợp đồng kinh tế số 101117/HĐKT/C-A về việc đưa ra các quy tắc để thực hiện Hợp đồng E giữa các bên trong Liên danh A-C, phân giao các công việc, quyền và trách nhiệm của các bên.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý với lý do:

Lần thanh toán thứ 8: Công ty C đã thanh toán cho Công ty A 3.500.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 1.717.144.698 đồng. Công ty C xác nhận còn nợ Công ty A số tiền là: 1.717.144.698 đồng.

Lần thanh toán thứ 9: Công ty C xác nhận nợ Công ty A số tiền: 4.023.262.835 đồng.

Lý do chưa thanh toán: Thứ nhất, do dịch Covid; Thứ hai, liên quan đến vấn đề bảo lãnh: Ngày 30/9/2020, bảo lãnh bảo đảm thực hiện hợp đồng của Công ty A hết hạn. Bên Công ty A có nghĩa vụ gia hạn bảo lãnh bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng nhưng Công ty A không thực hiện (theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng kinh tế số 101117/HĐKT/C-A). Số tiền gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng có giá trị là 6.574.035.408 đồng, do Công ty C không gia hạn nên Công ty C đã giữ lại số tiền thanh toán đợt 8,9 để bảo đảm việc thực hiện hợp đồng. Sau khi Công ty A thực hiện việc gia hạn bảo lãnh thì Công ty C sẽ thực hiện việc thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của đợt thanh toán thứ 8 và 9. Thứ ba, do biên bản làm việc ngày 27/5/2022 giữa chủ đầu tư và liên danh thống nhất chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho Công ty A sau khi nhận được văn bản do Công ty C phát hành văn bản đề xuất chủ đầu tư chuyển tiền theo giá trị do Công ty C đề nghị tới trực tiếp tài khoản của Công ty A. Văn bản này được phát hành trước ngày 05/6/2022. Thực tế ngày 01/6/2022, Công ty C đã phát hành công văn số 92 đề nghị chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu Công ty A nhưng do chủ đầu tư chưa thanh toán thêm một khoản nào cho Công ty C nên chủ đầu tư chưa thể thanh toán cho Công ty A.

Lần thanh toán thứ 10: Tại biên bản làm việc ngày 27/12/2022, Công ty C đề xuất việc thanh toán đợt 10 sẽ gộp vào lần quyết toán nội bộ và Công ty C không có ý kiến phản đối. Như vậy, Công ty A đã đồng ý với ý kiến của Công ty C.

Hai bên thống nhất sẽ thực hiện việc ký quyết toán nội bộ. Đề nghị Công ty A hợp tác với Công ty C để thực hiện việc quyết toán.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Buộc Công ty C thực hiện trách nhiệm thanh toán cho Công ty A số tiền là: 11.200.262.835 (Bằng chữ: Mười một tỷ, hai trăm triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi lăm đồng). Buộc Công ty C phải trả lãi đối với số tiền gốc nêu trên tương ứng với thời gian chậm trả của từng đợt thanh toán.

Bị đơn giữ nguyên toàn bộ quan điểm như đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án. Bị đơn xác nhận Công ty C còn nợ Công ty A số tiền thanh toán đợt 8 là: 1.717.144.698 đồng; số tiền thanh toán đợt 9 là: 4.023.262.835 đồng.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý với các

Lý do sau:

- Liên quan đến vấn đề bảo lãnh: Ngày 30/9/2020, bảo lãnh bảo đảm thực hiện hợp đồng của Công ty A hết hạn. Bên Công ty A có nghĩa vụ gia hạn bảo lãnh bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng nhưng Công ty A không thực hiện (theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng kinh tế số 101117/HĐKT/C-A). Số tiền gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng có giá trị là 6.574.035.408 đồng, do Công ty A không gia hạn nên Công ty C đã giữ lại số tiền thanh toán đợt 8,9 để bảo đảm việc thực hiện hợp đồng. Sau khi Công ty A thực hiện việc gia hạn bảo lãnh thì Công ty C sẽ thực hiện việc thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của đợt thanh toán thứ 8 và 9.

- Theo biên bản làm việc ngày 27/5/2022 giữa chủ đầu tư và liên danh đã thống nhất chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho Công ty A sau khi nhận được văn bản do Công ty C phát hành văn bản đề xuất chủ đầu tư chuyển tiền theo giá trị do Công ty C đề nghị tới trực tiếp tài khoản của Công ty A. Văn bản này được phát hành trước ngày 05/6/2022. Thực tế ngày 01/6/2022, Công ty C đã phát hành công văn số 92 đề nghị chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu là Công ty A nhưng do chủ đầu tư chưa thanh toán thêm một khoản nào cho Công ty C nên chủ đầu tư chưa thể thanh toán cho Công ty A. Như vậy, nghĩa vụ thanh toán của Công ty C cho Công ty A đã được chuyển giao cho chủ đầu tư nên Công ty C không có trách nhiệm phải thanh toán cho Công ty A số tiền nêu trên.

- Đối với đợt thanh toán thứ 10, do các bên chưa ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành nên chưa có cơ sở để thanh toán.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 117/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 116, 117, 118, 119, 357, 385, 398, 418 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 138, 141, 146 Luật Xây dựng năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2020.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với Công ty C về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Hợp đồng kinh tế số 101117/HĐKT/C-A đối với các lần thanh toán thứ 8, 9, 10.

2. Xác nhận tính đến ngày 26/9/2023, Công ty C còn nợ Công ty A tổng số tiền: 13.358.188.665 đồng (Mười ba tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó:

- Giá trị thanh toán đợt 8 là 1.717.144.698 đồng.
- Giá trị thanh toán đợt 9 là 4.023.262.835 đồng.
- Giá trị thanh toán đợt 10 là 5.459.695.529 đồng.
- Phạt vi phạm hợp đồng: 2.157.925.830

Buộc Công ty C phải trả Công ty A tổng số tiền 13.358.188.665 đồng (Mười ba tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng).

* Án phí: Công ty C phải chịu 121.358.188 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty A số tiền tạm ứng án phí 60.400.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0072031 ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận ĐĐ.

Công ty A, Công ty C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, áp dụng pháp luật không đúng, không khách quan, không công bằng, Tòa án cấp sơ thẩm không

đưa Công ty E vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án vì các bên có thỏa thuận trọng tài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí: Công ty C phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty C được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty A với Công ty C phát sinh từ hợp đồng kinh tế, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty C có địa chỉ tại số 21A phố CL, phường CL, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 26/6/2017 Công ty C và Công ty A ký thỏa thuận liên danh để tham dự thầu gói thầu “Thiết kế - Mua sắm vật tư, thiết bị - Thi công xây dựng – Lắp đặt thiết bị và Chạy thử dự án Sản xuất phân bón phức hợp từ Urea nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm”.

Ngày 08/11/2017 Liên danh nhà thầu C-A ký hợp đồng số 777/2017/E-QLDA/PVCFC-C-A với chủ đầu tư Công ty E.

Ngày 10/11/2017 Công ty C ký hợp đồng kinh tế số 101117/HĐKT/C-A với Công ty A về việc hợp tác thực hiện hợp đồng mà liên danh đã ký với chủ đầu tư.

Theo các hợp đồng nêu trên, việc thanh toán được thực hiện giữa Công ty E với Công ty C, sau đó Công ty C sẽ thanh toán lại cho Công ty A.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C đã thanh toán cho Công ty A từ đợt thanh toán thứ 1 đến hết đợt thanh toán thứ 7. Còn các đợt thanh toán thứ 8, 9 và 10 Công ty C chưa thanh toán.

Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Đợt thanh toán thứ 8, ngày 10/4/2020, Công ty A và Công ty C đã ký bảng tổng hợp giá trị thanh toán với tổng giá trị thanh toán là 5.217.144.698 đồng. Công ty C đã thanh toán cho Công ty A số tiền 3.500.000.000 đồng và xác nhận còn nợ lại Công ty A số tiền 1.717.144.698 đồng.

- Đợt thanh toán thứ 9, ngày 15/9/2020, Công ty A và Công ty C đã ký bảng tổng hợp giá trị thanh toán với tổng giá trị thanh toán là 4.023.262.835 đồng. Công ty C xác nhận còn nợ Công ty A số tiền này.

- Đợt thanh toán thứ 10 là thanh toán bổ sung thêm 10% cho các đợt từ 1-9 với điều kiện hoàn thành nghiệm thu lắp đặt cơ khí trong hợp đồng chính. Sau khi hoàn thành biên bản MC (biên bản hoàn thành nghiệm thu lắp đặt cơ khí trong hợp đồng chính), ngày 30/12/2022 Công ty A đã gửi đề nghị thanh toán với giá trị là 5.459.695.529 đồng và Công ty C đã xác nhận số nợ này.

Trước đó, ngày 31/3/2022 liên danh nhà thầu C-A và chủ đầu tư là Công ty E đã ký biên bản số NPK/BBNT HT-001 nghiệm thu công trình xây dựng để đưa vào sử dụng. Như vậy, Công ty A đã thực hiện xong các công việc theo hợp đồng.

Theo hợp đồng kinh tế số 101117 các bên thỏa thuận điều kiện thanh toán: “Công ty C sẽ thanh toán cho Công ty A trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Công ty C nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Công ty A. Bao gồm: Văn bản đề nghị thanh toán, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành, hóa đơn hợp lệ, hồ sơ chất lượng, bản vẽ hoàn công tương ứng với công việc hoàn thành (nếu có). Công ty A đã gửi cho Công ty C toàn bộ hồ sơ thanh toán theo quy định của hợp đồng. Chủ đầu tư Công ty E cũng xác nhận các bên đã hoàn thành công việc hạng mục cơ khí (hoàn thành MC)

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty C cho rằng ngày 27/5/2022 chủ đầu tư, Công ty A và Công ty C đã có biên bản làm việc với nội dung chủ đầu tư đồng ý thanh toán trực tiếp cho Công ty A sau khi nhận được văn bản đề xuất của Công ty C. Ngày 01/6/2022 Công ty C đã phát hành văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho Công ty A căn cứ giá trị lần thanh toán tiếp theo.

Ngày 29/3/2024 chủ đầu tư đã có văn bản gửi Công ty A về việc chủ đầu tư đã thanh toán toàn bộ số tiền của Mốc số 12 (Mốc MC tương ứng đợt thanh toán thứ 10) cho liên danh Nhà thầu. Chủ đầu tư đã hoàn thành trách nhiệm thanh toán cho liên danh Nhà thầu và đã bàn giao 01 bản gốc hồ sơ thanh toán của Mốc số 12 cho Công ty C.

Như vậy, chủ đầu tư đã thanh toán cho liên danh Nhà thầu (đại diện liên danh Nhà thầu là Công ty C nhận) toàn bộ số tiền của đợt thanh toán 8,9 và 10. Công ty A đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ của mình, hiện các bên đang thanh quyết toán toàn bộ hợp đồng. Nên án sơ thẩm xác định Công ty C còn nợ Công ty A số tiền đợt 8 là 1.717.144.698 đồng, đợt 9 là 4.023.262.835 đồng và đợt 10 là 5.459.695.529 đồng, tổng cộng là 11.200.103.062 đồng nợ gốc là có căn cứ.

Về số tiền nợ lãi chậm thanh toán tại Khoản 7.4 của hợp đồng kinh tế số 101117 các bên thỏa thuận: “Công ty C chậm thanh toán 14 ngày sau thời hạn theo quy định tại điểm a nêu trên phải bồi thường cho Công ty A theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do ngân hàng thương mại mà Công ty C mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Công ty C thanh toán đầy đủ cho Công ty A”. Như vậy các bên có thỏa thuận về lãi chậm thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào thỏa thuận này xác định mức lãi quá hạn áp dụng đối với Công ty C kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ đối với từng đợt cho đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền lãi 2.157.925.830 đồng là có căn cứ. Tại phần quyết định, án sơ thẩm xác định đây là số tiền phạt vi phạm hợp đồng là không chính xác, nên sửa lại cách tuyên về phần này.

Hội đồng xét xử thấy trong hợp đồng giữa Công ty A và Công ty C có thỏa thuận về việc trả lãi chậm thanh toán. Bản án sơ thẩm không tuyên: “Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015” là thiếu sót, nên sửa lại.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty E tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu người tham gia tố tụng và vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án vì đã có thỏa thuận trọng tài.

Hội đồng xét xử thấy: Tranh chấp giữa Công ty A và Công ty C phát sinh từ hợp đồng số 101117/HĐKT/C-A ngày 10/11/2017 nội dung: Công ty A với Công ty C thành lập một liên danh với nhau để thực hiện việc thiết kế mua sắm vật tư

thiết bị thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và chạy thử dự án sản xuất phân bón phức hợp cho chủ đầu tư là Công ty E. Trong hợp đồng này các bên đã thỏa thuận về điều khoản thanh toán là Công ty C thanh toán trực tiếp cho Công ty A. Mặt khác, trong hợp đồng các bên không có thỏa thuận trọng tài. Vì vậy, do Công ty C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty A khởi kiện và được Tòa án nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bị đơn kháng cáo cho rằng các bên đã có thỏa thuận trọng tài nhưng thỏa thuận trọng tài này nằm trong Hợp đồng thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và chạy thử số 777/2017/E-QLDA/PVCFC-C-A ngày 08/11/2017 giữa Công ty E với nhà thầu liên danh, không liên quan với hợp đồng số 101117/HĐKT/C-A ngày 10/11/2017 giữa Công ty A và Công ty C nên án sơ thẩm không đưa Công ty E tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Mặt khác, Công văn số 177/QLDA-KHTH ngày 10/6/2024, chủ đầu tư đã gửi nhà thầu liên danh, trong đó khẳng định: “Tranh chấp liên quan đến Hợp đồng số 101117/HĐKT/C-A là các tranh chấp nội bộ của Nhà thầu Liên danh, Chủ đầu tư không có quyền can thiệp”. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên Công ty C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 418 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 138; Điều 141; Điều 146 Luật Xây dựng.

Áp dụng Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty C

- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 117/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với Công ty C về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Hợp đồng kinh tế số 101117/HĐKT/C-A đối với các lần thanh toán thứ 8, 9, 10.

2. Buộc Công ty C phải trả Công ty A:

- Nợ gốc là: 11.200.262.835 đồng

- Nợ lãi chậm thanh toán là: 2.157.925.830 đồng

Tổng số tiền 13.358.188.665 đồng

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí sơ thẩm:

- Công ty C phải chịu 121.358.188 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Công ty A số tiền tạm ứng án phí 60.400.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0072031 ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

5. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty C 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002855 ngày 23/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận ĐĐ, tp Hà Nội;
- TAND quận ĐĐ, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn